

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ - ST
Ngày 21/01/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nông Thị Vân

2. Bà Hoàng Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Đức Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thèn Thị P, sinh năm 1995; nơi cư trú: Đội 1, thôn S, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; số CMND: 073***293 cấp ngày 26/8/2014; nơi cấp: Công an tỉnh H.

Bị đơn: Anh Bàn Văn K; sinh năm 1992; nơi cư trú: Đội 1, thôn S, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Số CCCD 0020***625 cấp ngày 25/6/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát.

NHẬN THẤY:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/11/2021, bản tự khai ngày 15/11/2021 nguyên đơn chị Thèn Thị P trình bày: Chị Thèn Thị P và anh Bàn Văn K kết hôn với nhau từ ngày 19/10/2015, trên cơ sở có tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu

thuần, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tư tưởng, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, thường xuyên xúc phạm đến danh dự, uy tín của nhau. Chị P và anh K cùng nhau cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng, chị P và anh K đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2020 cho đến nay. Nay chị P cảm thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể tiếp tục, vì vậy chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh Bàn Văn K.

Tại bản tự khai ngày 15/11/2021 và biên bản hòa giải ngày 22/12/2021 bị đơn anh Bàn Văn K trình bày: Về thời gian chung sống, thời gian địa điểm đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị P trình bày là đúng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh K và chị P đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2020 cho đến nay nhưng anh K nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn chị P quay về để vợ chồng tiếp tục cùng nhau chung sống, vì vậy anh Bàn Văn K không nhất trí ly hôn với chị Thên Thị P. Tại phiên tòa anh K có quan điểm nếu chị P nhất quyết ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn với chị P.

2. Về con chung:

Chị P trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung, cháu thứ nhất tên là Bàn Xuân D, sinh ngày 18/12/2013, hiện nay cháu đang ở với chị P và học lớp 3 trường tiểu học xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang; cháu thứ hai tên là Bàn Văn Kh, sinh ngày 02/11/2015, hiện nay cháu đang ở với anh K và học lớp 1 trường tiểu học xã H. Khi ly hôn chị P và anh K đã thỏa thuận thống nhất mỗi người nuôi một cháu, chị P nuôi cháu D, anh K nuôi cháu Kh, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Bàn Văn K trình bày: Về con chung như chị P trình bày là đúng, anh K nhất trí theo quan điểm của chị P về việc nuôi con.

Tại bản khai ngày 28/11/2021 cháu Bàn Xuân D có nguyện vọng được ở với mẹ.

3. Về phân tài sản, công nợ: Chị P, anh K đều trình bày: Không có.

Tại biên bản xác minh ngày 01/12/2021 bà Bàn Thị G mẹ đẻ của anh K, trưởng thôn S, Đại diện Hội Liên Hiệp phụ nữ và Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang đều cho biết chị P và anh K có đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 19/10/2015. Quá trình chung sống chị P và anh K đã có 02 con chung và đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm đến nhau, chị P và anh K đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay, chị P sống không quan tâm gì đến anh K và gia đình nhà chồng. Chị P và cháu D đã về nhà ngoại ở xã N, huyện H để sinh sống. Còn cháu Kh đang ở với anh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 96 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị P, giao cháu Bàn Xuân D, sinh ngày 18/12/2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Bàn Văn Kh, sinh ngày 02/11/2015 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và buộc đương sự phải chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh K và việc nuôi con chung của vợ chồng. Do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và bị đơn anh Bàn Văn K cư trú tại thôn S, xã H, huyện Q nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thèn Thị P và anh Bàn Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh K là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng cả chị P, anh K, bà G mẹ đẻ anh K là người đang chung sống cùng với anh K, chính quyền địa phương đều khẳng định quá trình chung sống chị P và anh K đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban nhau được trong việc làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi, xúc phạm đến nhau, chị P và anh K đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay, chị P sống không quan tâm gì đến anh K và gia đình nhà chồng. Tại phiên tòa hôm nay anh K cũng khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống không còn quan tâm gì đến nhau vì

vậy không thể tiếp tục cùng nhau chung sống. Như vậy đã đủ cơ sở để kết luận quá trình chung sống giữa chị P và anh K đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị P đề nghị được ly hôn với anh K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trước khi vào phần hỏi tại phiên tòa cả chị P và anh K đều khẳng định không thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án, nhưng trong quá trình hỏi anh K nhất trí ly hôn với chị P. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Thèn Thị P và anh Bàn Văn K.

[3]. Về con chung: Tại bản tự khai và biên bản hòa giải thể hiện chị P, anh K đều có nguyện vọng được nuôi con và đã thỏa thuận thống nhất được với nhau chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Xuân D, sinh ngày 18/12/2013; anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Văn Kh, sinh ngày 02/11/2015, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Cháu D có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, độ tuổi và nguyện vọng của con chưa thành niên, đảm bảo mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về tài sản, công nợ: Cả chị P và anh K trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6]. Về án phí: Chị Thèn Thị P tự nguyện chịu toàn bộ khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn cả phần của anh K theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Thèn Thị P và anh Bàn Văn K.

* Về con chung: Chị Thèn Thị P là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Xuân D, sinh ngày 18/12/2013; anh Bàn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Văn Kh, sinh ngày 02/11/2015, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

* Về án phí: Chị Thèn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004013 ngày 15/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND xã H
(Nơi đã đăng ký Kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Phương

